

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:32/2009/QĐ-UBND

Đông Hà, ngày 15 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thực hiện chính sách phát triển
một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và phát triển chăn nuôi
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010- 2015, có tính đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định 150/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến 2010 và tầm nhìn 2020;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tiếp tục thực hiện Quyết định số 225/1999/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 1999 về Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp, có điều chỉnh bổ sung đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 10/2008/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2009 của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa V, kỳ họp thứ 18 về việc Tổ chức mạng lưới thú y cơ sở; phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản chủ lực giai đoạn 2010-2015 và phát triển chăn nuôi tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010- 2015, định hướng đến năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thực hiện chính sách phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010- 2015, có tính đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Cường**

QUY ĐỊNH**Thực hiện chính sách phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010 - 2015, có tính đến năm 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2009 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này hướng dẫn một số nội dung cụ thể về phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực của tỉnh và phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2010- 2015 có tính đến năm 2020 đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 18 khóa V (Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2009).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản của tỉnh;

2. Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn tham gia sản xuất một số giống cây trồng (Lúa, lạc, ngô), vật nuôi (Lợn, bò), giống thủy sản (Cá, tôm).

Không áp dụng đối với các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Điều 3. Điều kiện để được hưởng chính sách

Các đối tượng có nhu cầu và đủ điều kiện để tham gia học tập, tiếp nhận, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất giống và chăn nuôi.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ****Điều 4. Chính sách đối với giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản****1. Đối với giống cây trồng**

a) Đối với giống lúa: Áp dụng cho việc xây dựng vùng giống nhân dân.

- Hỗ trợ 100% tiền mua giống nguyên chủng (80kg/ha) đối với các giống lúa chủ lực, giống lúa chất lượng cao (CLC) để sản xuất giống xác nhận, cung ứng cho sản xuất đại trà;

- Các giống lúa được hỗ trợ là những giống được phép sản xuất, kinh doanh nằm trong danh mục giống được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép và các

giống lúa chủ lực, chất lượng cao (CLC) được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cơ cấu giống cây trồng, thời vụ theo từng vụ sản xuất và hàng năm.

Ngoài danh mục các giống lúa được hỗ trợ sản xuất giống lúa xác nhận, các giống lúa mới thuộc danh mục Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống đưa vào khảo nghiệm tại Quảng Trị được Hội đồng Khoa học tỉnh do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập nghiệm thu, đánh giá có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện sinh thái và khả năng chống chịu sâu bệnh hại cao ở Quảng Trị thì được hỗ trợ chính sách theo Quy định này;

- Các giống lúa (Nguyên chủng) phải đảm bảo đúng quy trình sản xuất giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Tiêu chuẩn cấp hạt giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sản lượng giống được sản xuất ra ở các vùng giống nhân dân sẽ cung ứng tại chỗ cho địa phương; công tác quản lý chất lượng giống ở các vùng giống nhân dân giao cho địa phương quản lý. Các đơn vị tham gia sản xuất giống thương mại, phải thực hiện đúng theo quy định của Pháp lệnh Giống cây trồng;

- Lượng giống phục vụ cho sản xuất giống tại vùng giống nhân dân hàng năm ở huyện, thành phố, thị xã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch, trình UBND tỉnh quyết định phân bổ phù hợp với tình hình sản xuất của từng địa phương.

b) Giống lạc: Xây dựng vùng sản xuất lạc giống trong vụ Hè- Thu.

- Mức hỗ trợ 50% giá giống lạc tại thời điểm;

- Các giống lạc được hỗ trợ là những giống được phép sản xuất, kinh doanh nằm trong danh mục Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép và các giống chủ lực được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cơ cấu giống cây trồng, thời vụ theo từng vụ sản xuất và hàng năm.

Ngoài danh mục các giống lạc được hỗ trợ sản xuất giống lúa xác nhận, các giống lạc mới thuộc danh mục Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống đưa vào khảo nghiệm tại Quảng Trị được Hội đồng Khoa học tỉnh do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập nghiệm thu, đánh giá có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện sinh thái và khả năng chống chịu sâu bệnh hại ở Quảng Trị thì được hỗ trợ theo chính sách tại Quy định này;

- Sản lượng giống thu được giao các huyện, thành phố, thị xã tổ chức các HTX dịch vụ thu mua, cung ứng trên địa bàn theo giá thỏa thuận, đảm bảo sản xuất là chính; vùng sản xuất lạc giống tập trung giao Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh tổ chức thu mua để cung ứng cho các địa phương trong tỉnh.

c) Giống ngô: Các vùng chuyển đổi sang trồng ngô lai, giống ngô mới, được hỗ trợ giá giống, ưu tiên các vùng trồng lúa không chủ động nguồn nước tưới chuyển sang trồng ngô để sản xuất hàng hóa, mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 30% giá giống thời điểm;

- Hỗ trợ 80% giá giống tại thời điểm đối với vùng đặc biệt khó khăn (Thuộc Chương trình 135);

- Danh mục các giống ngô lai, giống ngô mới được hỗ trợ là những giống thuộc danh mục giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép và giống phù hợp với từng vùng sản xuất và chiến lược phát triển của tỉnh; ngoài danh mục các giống ngô được hỗ trợ sản xuất hàng hóa, hàng năm tỉnh sẽ hỗ trợ 100% giá giống để tiến hành khảo nghiệm các giống ngô mới đưa vào sản xuất, những giống được Hội đồng Khoa học tỉnh do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập nghiệm thu, đánh giá có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện sinh thái và khả năng chống chịu sâu bệnh hại cao ở Quảng Trị thì được hỗ trợ theo chính sách tại Quy định này;

- Các giống ngô phải đảm bảo đúng quy trình sản xuất giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Tiêu chuẩn cấp hạt giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với giống vật nuôi

a) Giống lợn:

- Điều kiện hỗ trợ: Chăn nuôi lợn ông bà, bố mẹ (Giống lợn ngoại) 50 con trở lên đối với trang trại, 10 con trở lên đối với hộ gia đình;

- Hỗ trợ lợn giống ông, bà cho cơ sở sản xuất giống: số lượng tối đa 100 con/năm, trọng lượng không qua 50kg/con; giống lợn bố mẹ số lượng tối đa 200 con/năm, trọng lượng không quá 30kg/con. Mức hỗ trợ tối đa không quá 60% giá giống;

- Hỗ trợ đực giống cho thụ tinh nhân tạo (TTNT) cho các cơ sở TTNT: Số lượng tối đa 20 con/năm; mức hỗ trợ không quá 40% giá giống;

- Đối với chương trình phát triển đàn nái và đực giống ông, bà nuôi tại Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh để sản xuất con giống, phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quyết định số 2482/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Chương trình giống cây trồng, vật nuôi giai đoạn 2007- 2010 với mức hỗ trợ 100% kinh phí mua thức ăn, thuốc thú y (Nguồn kinh phí này được bố trí vào ngân sách sự nghiệp hàng năm cho Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh);

- Các giống phải đảm bảo đúng quy trình sản xuất giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. Tiêu chuẩn cấp hạt giống theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Giống bò:

- Hỗ trợ 100% chi phí tinh, ni tơ và vật tư khác phục vụ cho thụ tinh nhân tạo; định mức không quá 2 lít ni tơ, 02 viên tinh, 02 ống gen và 20.000 đồng cho 01 bò cái được nghiệm thu có chửa;

- Hỗ trợ bò đực giống lai sind: Bò đực giống phải đạt 75% máu Zebu trở lên, đạt tiêu chuẩn chất lượng (Do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám định). Mức hỗ trợ 60% giá được thẩm định, trọng lượng không quá 300 kg/con, số lượng 20 con/năm.

3. Đối với giống thủy sản

a) Giống cá:

- Hỗ trợ 100% giá giống cá bố, mẹ, giống cá hậu bị gốc thuần cho các cơ sở sản xuất giống trong tỉnh. Số lượng bình quân 125kg cá giống/năm;

- Giống phải đảm bảo hồ sơ, lý lịch hợp lệ, đúng phẩm chất quy định.

b) Giống tôm:

- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giống tôm bố mẹ nhập khẩu để nâng cao chất lượng đàn tôm giống. Số lượng 20 cặp/năm;

- Giống phải đảm bảo hồ sơ, lý lịch hợp lệ, đúng phẩm chất quy định.

c) Hỗ trợ giá giống để nuôi đặc sản ngọt, lợ:

- Hỗ trợ không quá 30% giá giống để nuôi đặc sản ngọt, lợ; danh mục giống đặc sản được ban hành hàng năm;

- Giống phải đảm bảo hồ sơ, lý lịch hợp lệ, đúng phẩm chất quy định.

d) Hỗ trợ khảo nghiệm:

Hỗ trợ 100% kinh phí để khảo nghiệm giống mới, áp dụng quy trình kỹ thuật mới, nuôi khảo nghiệm giống mới, du nhập giống mới, bao gồm giống và chi phí khác.

4. Chính sách khác

a) Được hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật, công nghệ, quy trình sản xuất giống, công tác quản lý giống cho cán bộ kỹ thuật, quản lý về người sản xuất giống;

b) Được hỗ trợ tiền vắc xin tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc trong vòng 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động. Được hỗ trợ kinh phí cho hoạt động giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống hàng năm (Mức hỗ trợ được quy định cụ thể hàng năm).

Điều 5. Chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi

1. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, chủ trang trại, hộ gia đình, cá nhân, các HTX, tổ hợp tác (Nhà đầu tư) có cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa bàn tỉnh Quảng Trị hoạt động theo quy định của pháp luật đều được hưởng các chính sách ưu đãi này.

2. Điều kiện, lĩnh vực được ưu đãi, hỗ trợ

a) Chăn nuôi gia súc, gia cầm bao gồm: Chăn nuôi trang trại, gia trại, chăn nuôi hộ gia đình;

b) Lai tạo, cải tạo giống, nhân giống mới, đào tạo huấn luyện và chuyên giao tiến bộ mới về chăn nuôi thú y;

c) Sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (Cây thức ăn cho đại gia súc và các loại cây khác làm nguyên liệu thức ăn khác), sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi;

d) Cơ sở giết mổ tập trung, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

3. Quy mô chăn nuôi, giết mổ, chế biến, tiêu thụ được hỗ trợ

a) Đối với chăn nuôi lợn ông, bà, bố mẹ (Giống lợn ngoại) quy mô tối thiểu 50 con nái trở lên đối với trang trại, 10 con trở lên đối với hộ gia đình;

b) Đối với lợn nái sinh sản khác:

Số gia súc có mặt thường xuyên tối thiểu 100 con trở lên/trang trại; 20 con trở lên đối với hộ gia đình; 10 con trở lên đối với cơ sở chăn nuôi lợn đực giống phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo;

c) Đối với chăn nuôi lợn thịt:

Số gia súc thường xuyên tối thiểu 100 con trở lên đối với trang trại, 50 con trở lên đối với hộ gia đình;

d) Đối với hộ chăn nuôi bò sinh sản và bò thịt: Quy mô tối thiểu 50 con trở lên/trang trại; 20 con trở lên/hộ chăn nuôi (Chăn nuôi chăn dất);

e) Đối với chăn nuôi gia cầm sản xuất giống: Quy mô 1.000 con trở lên;

f) Đối với chăn nuôi gia cầm thương phẩm: Tối thiểu có mặt thường xuyên 2.000 con trở lên/hộ;

g) Đối với trang trại nuôi các giống lợn bản địa (Lợn Vân Pa, lợn rừng lai): Có quy mô 50 con trở lên;

h) Đối với đà điểu:

Đà điểu sinh sản 200 con trở lên, đà điểu thương phẩm 500 con trở lên (Trường hợp nuôi sinh sản kết hợp với thương phẩm thì quy mô như nuôi đà điểu thương phẩm);

i) Đối với cơ sở giết mổ gia súc tập trung:

Số lượng gia súc (Trâu, bò, lợn) tối thiểu 50 con/ngày đối với thành phố Đông Hà và 20 con/ngày đối với các huyện, thị xã.

4. Các chính sách cụ thể

a) Chính sách đất đai:

Các nhà đầu tư được ưu tiên thuê đất ổn định lâu dài và được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Chính sách tín dụng:

Áp dụng mức ưu đãi tối đa như mức hỗ trợ quy định tại Nghị định 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ và Thông tư Liên tịch số 15/2007/TTLB-BTC-BNN và PTNT của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Hỗ trợ về thực nghiệm, khảo nghiệm giống:

Đầu tư 100% chi phí con giống và chi phí khác để nuôi thử nghiệm, khảo nghiệm đối với giống vật nuôi trong nông nghiệp mới lần đầu vào Quảng Trị, có năng suất, hiệu quả cao ở các địa phương khác trong nước và giống mới nhập ngoại. Đối với các loại cây trồng làm thức ăn cho gia súc được hỗ trợ 100% giá giống.

d) Hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, thiết bị:

- Đối với các vùng, khu chăn nuôi tập trung theo quy hoạch từ 10 ha trở lên được cấp có thẩm quyền đồng ý hoặc các trang trại chăn nuôi công nghiệp (1.000 lợn trở lên, 200 bò thịt trở lên) thì hỗ trợ tối đa không quá 40% công trình xử lý chất thải; 40% công trình giao thông, điện (Nhưng mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/khu chăn nuôi tập trung);

- Đối với xử lý chất thải chăn nuôi: Trang trại chăn nuôi lợn, cơ sở giết mổ gia súc tập trung, cơ sở chăn nuôi lợn đực giống phục vụ cho công tác thụ tinh nhân tạo được hỗ trợ tối đa không quá 60% giá trị thiết bị xây lắp xử lý chất thải; đối với hộ gia đình chăn nuôi lợn hỗ trợ tối đa không quá 40% giá trị thiết bị xây lắp xử lý chất thải (Hỗ trợ công trình khí sinh học biogas, ưu tiên những vùng có mật độ chăn nuôi lớn, dân cư đông, ô nhiễm môi trường nặng);

- Đối với cơ sở chế biến thức ăn gia súc tận dụng các phụ phế phẩm nông nghiệp: Được hỗ trợ 100% giá trị thiết bị sau khi đi vào hoạt động, được các cơ quan chuyên môn thẩm định (Tối đa không quá 200 triệu đồng/cơ sở).

e) Hỗ trợ về khoa học công nghệ, đào tạo kỹ thuật, quản lý:

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các chủ đầu tư xây dựng hệ thống dịch vụ chăn nuôi thú y, hệ thống thu mua chế biến, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi; được hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật ngắn hạn cho cán bộ kỹ thuật, quản lý và công nhân chăn nuôi;

- Trang trại chăn nuôi được hỗ trợ tiền vắc xin tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc trong vòng 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động (Danh mục bệnh nguy hiểm theo quy định của Pháp lệnh về Thú y). Ngoài ra hàng năm hỗ trợ kinh phí cho hoạt động giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống (Mức hỗ trợ được quy định cụ thể hàng năm).

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh bố trí hàng năm. Ngoài nguồn ngân sách của tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã cần tranh thủ các nguồn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án đầu tư trong và ngoài nước; nguồn đóng góp của doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất.

Điều 7. Phân cấp quản lý kinh phí thực hiện

1. Đối với công tác giống: Bao gồm kinh phí mua giống và kinh phí giám định, bình tuyển, loại thải, thay thế đàn giống (Bao gồm giống cây trồng, giống lợn, giống bò, giống thủy sản).

a) Đối với giống cây trồng:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh quyết định phân bổ giống hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã. Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi Quảng Trị chịu trách nhiệm cung ứng giống đúng tiêu chuẩn, chủng loại đã được duyệt và chịu trách nhiệm giải ngân nguồn kinh phí được cấp cho mua giống.

b) Đối với giống vật nuôi và giống thủy sản:

- Đối với giống lợn:

Bố trí kinh phí vào ngân sách UBND huyện, thành phố, thị xã; UBND huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm chọn nơi cung ứng giống (Sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt số lượng, chủng loại giống), quản lý và giải ngân nguồn kinh phí được cấp cho mua giống.

- Đối với giống bò đực:

Giao Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi Quảng Trị chịu trách nhiệm cung ứng giống, quản lý và giải ngân nguồn kinh phí được cấp mua giống...

- Đối với chương trình thụ tinh nhân tạo bò:

Giao Trung tâm Khuyến nông- Khuyến ngư tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý và thanh quyết toán;

- Đối với giống thủy sản:

Giao Trung tâm Giống thủy sản tỉnh chịu trách nhiệm cung ứng giống, quản lý và thanh quyết toán.

2. Đối với chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi

a) Hỗ trợ về thực nghiệm, khảo nghiệm giống:

Giao Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khuyến nông- Khuyến ngư tỉnh để tổ chức thực hiện, quản lý và thanh quyết toán.

b) Hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, thiết bị:

Bổ trí kinh phí vào ngân sách UBND huyện, thành phố, thị xã; UBND huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý và thanh quyết toán.

3. Chính sách khác

a) Hỗ trợ về đào tạo, tập huấn kỹ thuật, công nghệ, quy trình sản xuất giống, công tác quản lý giống cho cán bộ kỹ thuật, quản lý về người sản xuất giống:

Giao Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện, quản lý và thanh quyết toán;

b) Hỗ trợ tiền vắc xin tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc trong vòng 5 năm đầu kể từ khi đi vào hoạt động:

Giao Chi cục Thú y Quảng Trị chịu trách nhiệm cung ứng vắc xin, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán;

c) Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động giám định, bình tuyển, loại thải và thay thế đàn giống hàng năm:

Giao Trung tâm Giống cây trồng, vật nuôi Quảng Trị chịu trách nhiệm phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện, quản lý và thanh quyết toán.

Điều 8. Công tác báo cáo, thanh tra, kiểm tra, quyết toán

1. Căn cứ vào kế hoạch hàng năm của các địa phương và đơn vị, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính bố trí ngân sách, trình UBND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu thực hiện;

2. Việc thanh quyết toán theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách;

3. Định kỳ quý, năm, UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; hàng năm Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp tình hình thực hiện các dự án báo cáo UBND tỉnh.

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất về tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các đề án;

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, hoặc đột xuất về tình hình sản

xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản triển khai thực hiện theo quy định này.

5. Cuối vụ, cuối năm và khi kết thúc đề án Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức nghiệm thu làm cơ sở thanh toán, quyết toán kinh phí của đề án.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch của các địa phương để tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định về số lượng, chủng loại giống và phân bổ chỉ tiêu cho các địa phương, đơn vị thực hiện phù hợp với tình hình sản xuất từng địa phương, đơn vị;

b) Phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan, hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ, định kỳ báo cáo tình hình về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ;

b) Thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt giá giống hỗ trợ các loại; trình UBND tỉnh quyết định nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách đã được quy định đảm bảo kịp thời theo thời vụ sản xuất nông nghiệp (Vụ Đông- Xuân trước tháng 10, vụ Hè-Thu trước tháng 4 hàng năm).

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch của các địa phương, phối hợp với các ngành liên quan để thẩm định về công nghệ áp dụng xử lý chất thải, chế biến thức ăn trong chăn nuôi; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác đánh giá chất lượng giống.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ vào kế hoạch của các địa phương hàng năm và các chính sách ưu đãi về đất đai của Nhà nước để tạo điều kiện cho các đối tượng tại Điều 2 của Quy định này được ưu tiên thuê đất ổn định lâu dài và được hưởng mức ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Trước tháng 10 hàng năm UBND các huyện lập kế hoạch chi tiết gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để cân đối và quyết định phân bổ;

b) Bố trí kinh phí thực hiện đề án hợp lý cho các xã, phường, thị trấn và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nội dung của đề án;

c) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố, thị xã báo cáo về UBND tỉnh (Qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Đức Cường